

**ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN**

(Đề thi có 4 trang)

THI THỬ TN THPT - NĂM HỌC 2026–2027**MÔN: HÓA HỌC - THPT***Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề**Phát hành ngày 08/09/2026*

Họ và tên:

Số báo danh:

Mã đề: H.TN.028**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Thủy phân 34,2 g saccharose với hiệu suất 60%, rồi cho toàn bộ sản phẩm tráng bạc hoàn toàn. Khối lượng bạc ($M = 108$) thu được là

- A. 43,2 g B. 0,2 g C. 13 g D. 25,9 g

Câu 2. Công thức tổng quát của dãy đồng đẳng carboxylic acid no, đơn chức, mạch hở là

- A. C_nH_{2n+2} B. C_nH_{2n-2} C. $C_nH_{2n}O_2$ D. C_nH_{2n}

Câu 3. Sản phẩm của phản ứng acetyl hoá của cellulose được dùng để

- A. Kéo thành tơ acetate B. Sản xuất glucose và ethanol từ mùn cưa, rơm rạ
C. Kéo thành tơ copper-ammonia D. Làm thuốc súng không khói

Câu 4. Nhỏ từ từ dung dịch ammonia tới dư vào dung dịch $FeSO_4$ (iron(II) sulfate). Hiện tượng quan sát được là

- A. Xuất hiện kết tủa màu trắng xanh, kết tủa không tan trong ammonia dư
B. Xuất hiện kết tủa màu trắng keo, kết tủa không tan trong ammonia dư
C. Xuất hiện kết tủa màu nâu đỏ, kết tủa không tan trong ammonia dư
D. Xuất hiện kết tủa màu trắng, kết tủa không tan trong ammonia dư

Câu 5. Dùng 81,9 gam NaCl làm nguyên liệu cho dây chuyền Solvay. Khối lượng Na_2CO_3 thu được theo lý thuyết là

- A. 148,4 gam B. 117,6 gam C. 81,9 gam D. 74,2 gam

Câu 6. Hoà tan hết 27,6 gam sodium (Na) vào nước dư. Số mol khí H_2 thu được là

- A. 27,6 mol B. 2,4 mol C. 0,6 mol D. 1,2 mol

Câu 7. Polymer nhựa bakelite được dùng để

- A. Làm hộp đựng thức ăn và thùng nhựa B. Làm ổ cắm điện và tay cầm nồi
C. Làm ống nước, vỏ dây điện và da giả D. Làm túi nylon và màng bọc thực phẩm

Câu 8. Peptide Ser–Gly có phản ứng màu biuret hay không, và vì sao?

- A. Có, vì mọi peptide đều cho phản ứng biuret B. Có, vì phân tử có 1 liên kết peptide
C. Không, vì peptide không phản ứng với $Cu(OH)_2$ D. Không, vì phân tử chỉ có một liên kết peptide

Câu 9. Khi nhỏ dung dịch iodine lên lát chuối chín, hiện tượng quan sát được là

- A. Màu xanh tím biến mất B. Dung dịch chuyển sang màu xanh tím
C. Màu xanh tím xuất hiện trở lại D. Hầu như không đổi màu

Câu 10. Trong pin Galvani, điện cực đóng vai trò anode là

- A. kim loại hoạt động mạnh hơn, mang dấu dương B. điện cực nào cũng được, tùy cách nối dây
C. kim loại hoạt động mạnh hơn, mang dấu âm D. kim loại hoạt động yếu hơn, mang dấu dương

Câu 11. Vòng của glucose và vòng của fructose khác nhau ở chỗ

- A. cả hai vòng đều có sáu cạnh
B. vòng glucose có chứa nguyên tử nitrogen
C. vòng glucose có sáu cạnh còn vòng fructose có năm cạnh
D. vòng glucose có năm cạnh còn vòng fructose có sáu cạnh

Câu 12. Theo lối gọi tên gốc – chức, amine $C_2H_5NHCH_3$ có tên là

- A. ethylmethanamine B. methanamine C. ethanamine D. propanamine

Câu 13. Chất nào sau đây có đồng phân hình học?

- A. $CH_2 = CH - CH_2 - CH_2 - CH_3$ (pent-1-ene) B. $CH_2 = CH_2$ (ethene)
C. $CH_2 = C(CH_3) - CH_3$ (2-methylpropene) D. $CH_3 - CH = CH - Cl$ (1-chloroprop-1-ene)

Câu 14. Vì sao khi bảo vệ ống dẫn dầu chôn ngầm dưới đất, người ta nối ống với những khối magnesium chôn cạnh đó?

- A. Vì lớp sơn ngăn sắt tiếp xúc với không khí ẩm
B. Vì kẽm có tính khử mạnh hơn nên làm cực âm và bị ăn mòn thay cho sắt
C. Vì magnesium làm cực âm và bị ăn mòn thay cho ống thép
D. Vì dầu mỡ cách li bề mặt thép khỏi hơi nước trong không khí

Câu 15. Mạ đồng (Cu, $A = 64$, $n = 2$) lên một vật với cường độ 5 A trong 1930 giây ($F = 96\,500\text{ C/mol}$). Khối lượng kim loại bám lên vật là

- A. 9,6 g B. 3,2 g C. 0,1 g D. 6,4 g

Câu 16. Trong công nghiệp, kim loại magnesium được điều chế bằng phương pháp nào?

- A. thủy luyện B. điện phân nóng chảy C. chưng cất phân đoạn D. nhiệt luyện

Câu 17. Khi giặt, phân tử xà phòng sắp xếp sao cho

- A. đuôi kỵ nước cắm vào giọt dầu mỡ, đầu ưa nước quay ra phía nước
B. cả phân tử tan hoàn toàn vào giọt dầu
C. đầu ưa nước cắm vào giọt dầu mỡ, đuôi kỵ nước quay ra phía nước
D. cả phân tử bám lên bề mặt sợi vải

Câu 18. Điểm khác nhau căn bản giữa trùng hợp và trùng ngưng là

- A. trùng hợp cho polymer mạch nhánh còn trùng ngưng cho mạch thẳng
B. trùng ngưng tách ra phân tử nhỏ như nước, còn trùng hợp thì không
C. trùng hợp cần nhiệt độ cao còn trùng ngưng thì không
D. trùng ngưng chỉ dùng cho polymer thiên nhiên

PHẦN II. ĐÚNG/SAI

Câu 19. Cho hai ester $\text{CH}_3\text{CH}_2\text{CH}_2\text{COOCH}_3$ và $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{C}_6\text{H}_5$, cùng công thức phân tử chung của ester no, đơn chức, mạch hở là $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$.

- a) Ester là sản phẩm thay nhóm $-\text{OH}$ của carboxylic acid bằng nhóm $-\text{OR}$.
- b) Trong tên gọi của ester, phần đọc trước là tên gốc acid.
- c) Ester $\text{CH}_3\text{COOCH}_2\text{C}_6\text{H}_5$ được tạo nên từ acetic acid và phenylmethanol.
- d) Ứng với công thức phân tử $\text{C}_5\text{H}_{10}\text{O}_2$ có 5 ester đồng phân của nhau.

Câu 20. Xà phòng hoá hoàn toàn 63,8 g trilaurin $((\text{C}_{11}\text{H}_{23}\text{COO})_3\text{C}_3\text{H}_5, M = 638)$ bằng dung dịch NaOH vừa đủ, thu sodium laurate ($M = 222$) và glycerol ($M = 92$).

- a) Chất béo trilaurin ở nhiệt độ thường ở thể rắn.
- b) Phản ứng xà phòng hoá của chất béo cho sản phẩm là acid béo và glycerol.
- c) Khối lượng glycerol thu được bằng 9,2 g.
- d) Khối lượng sodium laurate thu được bằng 66,6 g.

Câu 21. Điện phân dung dịch NiSO_4 và dung dịch CuSO_4 với điện cực trơ, lượng chất tan còn dư trong suốt quá trình, cùng cường độ 1 A trong 1930 giây; cho $F = 96500 \text{ C/mol}$.

- a) Khối lượng Cu bám vào cathode của bình chứa CuSO_4 bằng 6,3 g.
- b) Thể tích khí O_2 thoát ra ở anode của bình chứa NiSO_4 bằng 0,12 L.
- c) Sau khi điện phân dung dịch NiSO_4 thì dung dịch hoá acid.
- d) Một mol khí Cl_2 sinh ra ở anode ứng với bốn mol electron.

Câu 22. Cho acid béo α -linolenic acid ($\text{C}_{18}\text{H}_{30}\text{O}_2$, kí hiệu 18 : 3) và acid béo arachidonic acid (kí hiệu 20 : 4); một khẩu phần cung cấp 18 g omega-6.

- a) Acid béo thiết yếu là acid béo mà cơ thể tự tổng hợp được nên không cần ăn vào.
- b) Phân tử khối của α -linolenic acid bằng 278.
- c) Khẩu phần ấy cần 4,5 g omega-3 để đạt tỉ lệ 4 : 1.
- d) Trong cách gọi tên omega, người ta đếm nguyên tử carbon bắt đầu từ nguyên tử carbon của nhóm $-\text{COOH}$.

PHẦN III. TRẢ LỜI NGẮN

Câu 23. Tính phần trăm khối lượng nước kết tinh trong $\text{FeSO}_4 \cdot 7\text{H}_2\text{O}$.

Câu 24. Hoà tan hết 75,6 gam NaHCO_3 bằng dung dịch HCl . Tính số mol HCl đã phản ứng.

Câu 25. Phân tử Ser-Gly-Ala-Val-Leu có bao nhiêu liên kết peptide?

Câu 26. Nguyên tử iron (Fe) có bao nhiêu electron ở phân lớp 3d?

Câu 27. Một người có 5,5 lít máu, nồng độ glucose 0,08% về khối lượng, khối lượng riêng của máu lấy bằng 1 g/mL. Tính khối lượng glucose trong máu người ấy, theo gam.

Câu 28. Cho 59 g propylamine tác dụng vừa đủ với dung dịch HCl. Tính khối lượng HCl ($M = 36,5$) đã phản ứng, theo gam.